

CÔNG TY: CÔNG TY CP SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: 47/115 Nguyễn Khang, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 04.3783.2398 Fax: 04.3783.2397

Báo cáo tài chính

Quý III Năm tài chính: 2011

Mẫu số: Q-01d

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN			-	-
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		479,505,039,182	359,380,483,668
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		17,963,924,919	36,196,879,083
1. Tiền	111	V.1	17,963,924,919	36,196,879,083
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		326,390,500,534	238,925,886,430
1. Phải thu khách hàng	131		162,079,286,392	110,044,606,221
2. Trả trước cho người bán	132		27,762,142,616	12,377,885,813
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	136,549,071,526	116,503,394,396
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		120,357,244,843	71,374,056,996
1. Hàng tồn kho	141	V.4	120,357,244,843	71,374,056,996
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14,793,368,886	12,883,661,159
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2,413,868,136	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4,719,788,579	3,884,242,746
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		7,659,712,171	8,999,418,413
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		162,650,854,835	152,745,009,580
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.6	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.7	-	-
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		54,310,246,505	51,301,633,216
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	53,683,432,050	33,702,831,060
- Nguyên giá	222		103,543,125,770	77,717,039,916
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49,859,693,720)	(44,014,208,856)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		500,000,000	500,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(500,000,000)	(500,000,000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	626,814,455	17,598,802,156
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		98,699,300,000	92,627,300,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		81,340,800,000	72,940,800,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	22,932,500,000	22,932,500,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(5,574,000,000)	(3,246,000,000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		9,641,308,330	8,816,076,364
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	8,641,308,330	8,816,076,364
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		1,000,000,000	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		642,155,894,017	512,125,493,248
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		511,019,320,448	386,811,261,386
I. Nợ ngắn hạn	310		481,660,945,865	365,865,000,567
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	239,047,947,547	237,700,899,568
2. Phải trả người bán	312		100,804,283,913	39,880,672,060
3. Người mua trả tiền trước	313		88,232,097,062	49,288,722,193
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	11,116,110,915	11,101,451,273
5. Phải trả người lao động	315		11,020,365,935	4,232,075,704
6. Chi phí phải trả	316	V.17	23,740,604,433	12,464,927,361
7. Phải trả nội bộ	317			-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	9,467,839,898	8,439,553,918
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			3,560,302,328
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	V.22	(1,768,303,838)	(803,603,838)
II. Nợ dài hạn	330		29,358,374,583	20,946,260,819
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	24,596,197,046	19,824,259,334
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1,201,875,209	1,122,001,485
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		3,560,302,328	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.22	131,136,573,569	125,314,231,862
I. Vốn chủ sở hữu	410		131,136,573,569	125,314,231,862
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		70,000,000,000	70,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11,927,177,227	11,927,177,227
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		18,717,600,959	18,717,600,959
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2,051,918,583	2,051,918,583
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		28,439,876,800	22,617,535,093
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỐ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		642,155,894,017	512,125,493,248
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG			-	-
1. Tài sản thuê ngoài	01		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02		1,215,132,371	1,215,132,371
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký c ược	03		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		-	-
5. Ngoại tệ các loại	05		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06		-	-

CÔNG TY: CÔNG TY CP SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: 47/115 Nguyễn Khang, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 04.3783.2398 Fax: 04.3783.2397

Báo cáo tài chính

Quý III Năm tài chính: 2011

Mẫu số: Q-02d

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý III năm nay	Quý III năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	114,088,813,426	50,883,303,660	239,035,654,251	238,300,736,533
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		114,088,813,426	50,883,303,660	239,035,654,251	238,300,736,533
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	96,817,117,827	39,652,018,921	194,422,267,970	187,551,272,949
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		17,271,695,599	11,231,284,739	44,613,386,281	50,749,463,584
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	7,067,273,991	3,338,764,862	20,915,439,420	4,670,252,156
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	13,143,621,131	2,199,279,094	42,129,190,205	13,379,909,670
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13,143,621,131	6,808,303,871	39,801,190,205	18,261,306,559
8. Chi phí bán hàng	24					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6,143,270,359	7,551,685,686	16,850,685,211	22,443,797,325
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22) - (24+25)}	30		5,052,078,100	4,819,084,821	6,548,950,285	19,596,008,745
11. Thu nhập khác	31		109,457,617	13,636,365	109,457,617	51,973,525
12. Chi phí khác	32		836,066,195	206,826,781	836,066,195	257,896,084
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-726,608,578	-193,190,416	-726,608,578	-205,922,559
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		0	0	0	0
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4,325,469,522	4,625,894,405	5,822,341,707	19,390,086,186
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.30	540,683,690	604,090,148	648,480,213	2,423,331,708
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	0
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		3,784,785,832	4,021,804,257	5,173,861,494	16,966,754,478
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		0	0	0	0
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		0	0	0	0
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		541	575	739	4,242

CÔNG TY: CÔNG TY CP SOMECO SÔNG ĐÀ
Địa chỉ: 47/115 Nguyễn Khang, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: 04.3783.2398 Fax: 04.3783.2397

Báo cáo tài chính
Quý III Năm tài chính: 2011
Mẫu số: Q-03d

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPTT

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		498,805,430,416	362,089,548,943
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(74,497,694,744)	(61,852,889,699)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(23,907,988,795)	(40,250,947,000)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(42,833,362,958)	(18,754,730,473)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2,473,295,603)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		96,906,826,346	106,517,684,217
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(296,760,908,420)	(183,293,837,100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		155,239,006,242	164,454,828,888
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		348,292,291	661,048,952
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		348,292,291	661,048,952
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		24,664,910,059	16,644,902,939
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(198,485,162,756)	(171,985,213,870)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(173,820,252,697)	(155,340,310,931)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(18,232,954,164)	9,775,566,909
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		36,196,879,083	12,755,661,284
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		17,963,924,919	22,531,228,193

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, gia công và lắp đặt công trình cơ khí
- 3. Hoạt động chính trong năm** : Hoạt động về kiến trúc, tư vấn về công nghệ và kỹ thuật có liên quan; Dịch vụ thiết kế kết cấu, Thiết kế các hệ thống kỹ thuật liên quan đến công trình; Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng; Đúc sắt thép, kim loại màu; Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp, đường dây và trạm biến thế đến 500KV); Sản xuất, mua bán khí ôxy; Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân.

4. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011 Công ty có 665 nhân viên đang làm việc.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 06
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là:

Giá trị thương hiệu Sông Đà

Giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định bằng 5% vốn điều lệ của Công ty theo Quyết định số 294TC/HDQT ngày 25 tháng 5 năm 2004 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sông Đà khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Giá trị thương hiệu Sông Đà được khấu hao trong thời gian 05 năm và đã khấu hao hết.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con và đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Tiền thuê văn phòng trả trước

Tiền thuê văn phòng trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho phần diện tích Công ty đang sử dụng. Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính bằng 3% trên doanh thu các công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành và có mức độ rủi ro cao.

Các hợp đồng có rủi ro lớn

Khoản dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn được ghi nhận khi các lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng thấp hơn chi phí bắt buộc phải trả của cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

17. Hợp đồng xây dựng

Doanh thu được ghi nhận khi công trình có quyết toán A-B hoặc Bản xác nhận khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành theo từng giai đoạn đối với các công trình có thời gian thi công dài và Phiếu giá thanh toán của chủ đầu tư. Các công trình đã có dự toán được phê duyệt thì giá trị hạch toán doanh thu là giá trị quyết toán công trình (không bao gồm thuế GTGT) mà Công ty được hưởng. Đối với các công trình chưa có dự toán được phê duyệt thì giá trị doanh thu hạch toán bằng giá trị được chủ đầu tư chấp nhận thanh toán theo Phiếu giá.

Các khoản chênh lệch giữa giá trị quyết toán công trình được chủ đầu tư duyệt và doanh thu đã được ghi nhận trong các kỳ trước được điều chỉnh tăng hoặc giảm doanh thu trong kỳ phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư.

Chi phí xác định kết quả:

- Đối với các công trình đã hoàn thành, nghiệm thu bàn giao hoặc được chủ đầu tư phê duyệt quyết toán thì toàn bộ chi phí tập hợp cho công trình đó được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.
- Đối với các công trình có thời gian thi công dài mà doanh thu được ghi nhận theo khối lượng xây lắp hoàn thành thì giá vốn để xác định kết quả kinh doanh tương ứng với khối lượng xây lắp đã hoàn thành, trong đó:

$$\text{Giá vốn} = \frac{\frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ từng CT, HMCT}}{\text{Sản lượng dở dang đầu kỳ từng CT, HMCT}} + \frac{\text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ từng CT, HMCT}}{\text{Sản lượng thực hiện trong kỳ từng CT, HMCT}} \times \text{Doanh thu được chủ đầu tư chấp nhận thanh toán}$$

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	7.274.471.034	5.304.000.772
Tiền gửi ngân hàng	10.689.453.885	30.892.878.311
Cộng	17.963.924.919	36.196.879.083

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khách hàng là các bên liên quan:	34.539.048.906	16.503.610.508
<i>Tập đoàn Sông Đà</i>	264.530.246	-
<i>Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco</i>	2.555.264.019	13.380.543.168
<i>Công ty CP Someco Hòa Bình</i>	201.065.334	-
<i>Công ty Cổ phần Someco Hà Giang</i>	394.807.803	879.178.151
<i>Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1</i>	3.732.531.067	2.243.889.189
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà Hoàng Liên</i>	27.390.850.437	2.164.887.069
Các khách hàng khác	127.540.237.486	91.376.108.644
Cộng	162.079.286.392	110.044.606.221

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhà cung cấp là các bên liên quan:	9.931.129.356	7.328.015.013
<i>Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco</i>	3.913.627.275	3.689.450.626
<i>Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco</i>	5.213.484.435	1.903.084.435
<i>Công ty CP Someco Hòa Bình</i>	804.017.646	1.735.479.952
Các nhà cung cấp khác	17.831.013.260	5.049.870.800
Cộng	27.762.142.616	12.377.885.813

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
BHXH, BHYT thu qua lương nhân viên	267.022.877	82.997.419
1% bảo hiểm thất nghiệp phải thu CBCNV	54.650.226	31.025.839
Bảo hiểm thân thể thu qua lương nhân viên	37.920.000	4.518.100
Tiền điện thoại, điện nước phải thu nhân viên	6.275.073	4.560.525
Công ty Cổ phần Chính xác Vinashin		70.691.470
Công ty Cổ phần Sông Đà 7 - mua cổ phiếu	1.232.000.000	1.040.000.000
Ban điều hành Thủy điện Sơn La	7.210.849.569	
Công ty TNHH Điện Xekaman 3 - tiền ứng hợp đồng tổng thầu		1.402.696.349
Phải thu khác các Công ty con:	127.687.439.930	113.852.192.710
<i>Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco</i>	<i>7.924.481.116</i>	<i>447.170.997</i>
<i>Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco</i>	<i>6.469.939.649</i>	<i>4.689.607.077</i>
<i>Công ty Cổ phần Someco Hoà Bình</i>	<i>113.277.786.510</i>	<i>108.699.994.655</i>
<i>Công ty Cổ phần Năng lượng Someco I</i>	<i>11.232.655</i>	<i>9.232.655</i>
<i>Công ty Cổ phần Someco Hà Giang</i>	<i>4.000.000</i>	<i>6.187.326</i>
Các khoản phải thu khác	52.913.851	14.711.984
Cộng	136.549.071.526	116.503.394.396

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	10.244.745.004	7.368.779.359
Công cụ, dụng cụ	627.141.156	552.707.964
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	109.485.358.687	63.452.569.673
Cộng	120.357.244.843	71.374.056.996

6. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	6.176.196.756	8.721.434.417
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.483.515.415	277.983.996
Cộng	7.659.712.171	8.999.418.413

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.033.020.000	54.372.771.342	21.237.649.890	1.073.598.684	77.717.039.916
Tăng do mua sắm mới		5.934.727.273		112.090.909	5.824.818.182
Tăng do xây dựng cơ bản hoàn thành	19.779.267.672				19.779.267.672
Giảm do thanh lý, nhượng bán					
Số cuối kỳ	20.812.287.672	60.307.498.615	21.237.649.890	1.185.689.593	103.543.125.770
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	1.033.020.000	27.060.620.374	15.116.236.559	804.331.923	44.014.208.856
Tăng trong năm do khấu hao		4.433.543.133	1.564.083.031		5.845.484.864
Giảm do thanh	2.786.777			149.354.523	
Số cuối kỳ	1.030.233.223	31.494.163.507	16.680.319.590	654.977.400	49.859.693.720
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	27.312.150.968	6.121.413.331	269.266.761	33.702.831.060
Số cuối kỳ	19.782.054.449	28.813.335.108	4.557.330.300	530.712.193	53.683.432.050

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là Thương hiệu Sông Đà.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	71.600.000	6.552.032.637	6.046.818.182	576.814.455
XDCB dở dang	17.527.202.156	5.617.810.651	22.216.535.203	50.000.000
<i>Xưởng cơ khí Đà Nẵng</i>	<i>17.527.202.156</i>	<i>5.567.810.651</i>	<i>22.216.535.203</i>	
<i>Dự án Nhà chung cư</i>		<i>50.000.000</i>		<i>50.000.000</i>
<i>Nhà xưởng Hà Nam</i>				
Sửa chữa TSCĐ		74.940.000		74.940.000
Cộng	17.598.802.156	12.244.783.288	28.338.294.385	626.814.455

10. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 ⁽ⁱ⁾	3.204.080	32.040.800.000	2.904.080	29.040.800.000
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang ⁽ⁱⁱ⁾	3.165.000	31.650.000.000	2.625.000	26.250.000.000
Công ty Cổ phần Someco Hoà Bình ⁽ⁱⁱⁱ⁾	765.000	7.650.000.000	765.000	7.650.000.000
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco ^(iv)		5.000.000.000		5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco ^(v)		5.000.000.000		5.000.000.000
Cộng		81.340.800.000		72.940.800.000

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty cổ phần số 4900262326 ngày 02 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 là 52.640.000.000 VND, tương đương 56% vốn điều lệ. Trong kỳ Công ty đã đầu tư thêm 3.000.000.000 VND. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2011, Công ty đã đầu tư 32.040.800.000 VND, tương đương 34% vốn điều lệ (số đầu năm là 29.040.800.000 VND, tương đương 31% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 là 20.599.200.000 VND.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 5100199853 ngày 04 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Someco Hà Giang 32.400.000.000 VND, tương đương 60% vốn điều lệ. Trong kỳ Công ty đã đầu tư thêm 3.500.000.000 VND. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2011, Công ty đã đầu tư 29.750.000.000 VND, tương đương 55% vốn điều lệ (số đầu năm là 26.250.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Someco Hà Giang là 2.650.000.000 VND.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 5400351298 ngày 31 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hoà Bình cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Someco Hoà Bình 7.650.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2011, Công ty đã đầu tư đủ 7.650.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Someco Hoà Bình.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số 0104835162 ngày 05 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2011, Công ty đã đầu tư đủ 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ vào Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty TNHH một thành viên số 0104755407 ngày 15 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2011, Công ty đã đầu tư đủ 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ vào Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco.

11. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		10.362.500.000		10.362.500.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	120.000	7.362.000.000	120.000	7.362.000.000
Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội	100.000	3.000.500.000	100.000	3.000.500.000
Đầu tư dài hạn khác		12.570.000.000		12.570.000.000
Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Đà Hoàng Liên	700.000	7.000.000.000	700.000	7.000.000.000
+ <i>Vốn của Công ty</i>	619.950	6.199.500.000	619.950	6.199.500.000
+ <i>Vốn nhận ủy thác đầu tư</i>	80.050	800.500.000	80.050	800.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc	357.000	3.570.000.000	357.000	3.570.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
+ <i>Vốn của Công ty</i>	85.000	850.000.000	85.000	850.000.000
+ <i>Vốn nhận ủy thác đầu tư</i>	115.000	1.150.000.000	115.000	1.150.000.000
Cộng		22.932.500.000		22.932.500.000

12. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu.

13. Chi phí trả trước dài hạn

Là tiền thuê đất xây dựng Xưởng cơ khí Đà Nẵng.

14. Tài sản dài hạn khác

Là khoản đặt cọc thuê nhà dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**15. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	196.374.310.058	159.725.951.390
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoà Bình	129.962.042.107	113.236.697.453
- Ngân hàng TMCP An Bình	31.490.468.741	46.489.253.937
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội	19.943.995.059	46.489.253.937
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác		67.292.854.358
- Vay Công ty Cổ phần Tài chính Sông Đà	57.651.441.640	67.292.854.358
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.25)		10.682.093.820
Cộng	239.047.947.547	237.700.899.568

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Vay ngân hàng	Vay các tổ chức và cá nhân khác	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	159.725.951.390	67.292.854.358	10.682.093.820	237.700.899.568
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	139.277.518.804	63.763.441.640		203.040.960.444
Số kết chuyển				
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(117.606.964.287)	(73.404.854.358)	(10.682.093.820)	(201.693.912.465)
Số cuối kỳ	181.396.505.907	57.651.441.640		239.047.947.547

16. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhà cung cấp là các bên liên quan:	33.645.972.498	7.334.470.625
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	7.951.458.350	-
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	50.476.954	28.949.008
Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình	25.644.037.194	7.305.521.617
Các nhà cung cấp khác	67.158.311.415	32.703.965.625
Cộng	100.804.283.913	39.880.672.060

17. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khách hàng là các bên liên quan:	5.871.389.379	8.610.784.588
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	1.958.520.528	2.597.038.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco I	3.912.868.851	6.013.746.588
Các khách hàng khác	82.360.707.683	40.677.937.605
Cộng	88.232.097.062	49.288.722.193

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.354.810.230	3.494.392.047	1.830.735.018	6.018.467.259
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.030.211.852		2.473.295.603	3.556.916.249
Thuế thu nhập cá nhân	716.429.191	435.893.058	238.367.201	913.955.048
Các loại thuế khác		631.772.359	5.000.000	626.772.359
Cộng	11.101.451.273	4.562.057.464	4.547.397.822	11.116.110.915

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hoạt động xây lắp, kinh doanh điện nước và dịch vụ khác 10%

Bán vật tư, thiết bị 5% - 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Theo Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 02 năm tiếp theo.

Ngoài ra, Công ty thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán từ năm 2006, theo quy định tại Công văn số 10997/BTC-CST ngày 08 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài chính, Công ty sẽ được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm tính từ khi kết thúc thời hạn miễn, giảm thuế.

Năm tài chính 2006 là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có lãi. Như vậy, Công ty sẽ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong các năm 2006, 2007 và giảm 50% số thuế phải nộp trong các năm 2008, 2009, 2010 và 2011.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.822.341.707	14.764.191.781
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(634.500.000)	(210.259.298)
- Các khoản điều chỉnh tăng (các khoản chi phí không được trừ)		45.740.702
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	(634.500.000)	(256.000.000)
Thu nhập chịu thuế	5.187.841.707	14.553.932.483
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.296.960.426	3.638.483.121
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(648.480.213)	(1.819.241.561)
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	648.480.213	1.819.241.560

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Chi phí phải trả

Các chi phí xây lắp đã có Biên bản nghiệm thu khối lượng với nhà cung cấp nhưng chưa có đầy đủ hóa đơn, chứng từ, bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cơ khí Chính xác Vinashin	2.929.266.674	2.929.266.674
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	1.741.455.801	1.741.455.801
Chủ máy Phạm Thị Vóc	760.521.166	220.521.166
Công ty Cổ phần Xi Măng Hạ Long	1.395.950.663	1.395.950.663
Công ty Cổ phần Narime	41.875.618	4.187.567.945
Chi phí Ban điều hành, phí B chính		1.236.082.238
Công ty TNHH CAM Hoàng Long	1.938.328.844	182.912.618
Phí ban điều hành dự án Thủy điện Nậm Chiến	1.243.418.739	320.137.055
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi		
Chi phí xây dựng lán trại Thủy điện Nậm Chiến	394.216.972	
Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình	10.943.219.802	
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	1.487.636.007	
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	68.876.593	
Các nhà thầu phụ khác	795.837.551	251.033.201
Cộng	23.740.604.433	12.464.927.361

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	987.821.028	737.617.975
Bảo hiểm xã hội	1.470.074.653	1.183.641.239
Bảo hiểm y tế	219.275.825	150.099.830
Bảo hiểm thất nghiệp	100.038.538	133.924.228
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	17.450.460	17.450.460
Phải trả Tổng Công ty Sông Đà		2.991.067.463
Quỹ tự nguyện Someco Sông Đà	133.088.607	507.246.952
1% kinh phí công đoàn để lại cơ sở	136.336.541	179.300.399
Nhận ủy thác đầu tư cổ phiếu:	2.292.800.000	2.292.800.000
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên (trong đó số chưa mua cổ phiếu là 342.300.000 VND)</i>	<i>1.142.800.000</i>	<i>1.142.800.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà</i>	<i>1.150.000.000</i>	<i>1.150.000.000</i>
Các khoản phải trả khác	4.110.954.246	246.405.372
Cộng	9.467.839.898	8.439.553.918

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hành công trình xây lắp	1.335.113.373	1.335.113.373
Hợp đồng có rủi ro lớn	2.225.188.955	2.225.188.955
Cộng	3.560.302.328	3.560.302.328

Bảo hành

Dự phòng cho bảo hành chủ yếu liên quan đến xây lắp công trình Thủy điện Nậm Chiến.

Các hợp đồng có rủi ro lớn

Hợp đồng đã ký kết với Ban điều hành dự án Thủy điện Nậm Chiến là hợp đồng điều chỉnh giá theo giá dự toán được phê duyệt. Trước đó, một số hạng mục đã được ghi nhận doanh thu theo Biên bản nghiệm thu khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành và Phiếu giá lập trên cơ sở giá dự toán chưa được phê duyệt. Ngày 27 tháng 9 năm 2010, dự toán công trình đã được phê duyệt và chênh lệch giữa giá trị tạm tính theo Phiếu giá của các hạng mục đã ghi nhận doanh thu với giá trị thanh toán theo dự toán phê duyệt là 2.225.188.955 VND được Công ty trích lập dự phòng giảm giá công trình.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	(266.381.417)		948.700.000	(1.215.081.417)
Quỹ phúc lợi	(537.222.421)		16.000.000	(553.222.421)
Cộng	(803.603.838)		964.700.000	(1.768.303.838)

23. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoà Bình	16.452.500.740	13.915.830.740
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô	231.705.000	31.705.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa	4.683.241.306	5.876.723.594
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội	3.228.750.000	
Cộng	24.596.197.046	19.824.259.334

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống		
Trên 1 năm đến 5 năm	24.596.197.046	19.824.259.334

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Trên 5 năm		
Tổng nợ	24.596.197.046	19.824.259.334
<i>Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:</i>		
Số đầu kỳ		19.824.259.334
Số tiền vay phát sinh		14.372.093.820
Số tiền vay đã trả trong kỳ		(9.600.156.108)
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả		
Số cuối kỳ		24.596.197.046
24. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		
Số đầu kỳ		1.122.001.485
Số trích lập bổ sung		100.440.174
Số đã chi		(20.566.450)
Số cuối kỳ		1.201.875.209

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

25. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	70.000.000.000	11.927.177.227	18.717.600.959	2.051.918.583	22.617.535.093	125.314.231.862
Lợi nhuận trong năm kỳ					5.822.341.707	5.822.341.707
Số dư cuối kỳ	70.000.000.000	11.927.177.227	18.717.600.959	2.051.918.583	28.439.876.800	131.136.573.569

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	35.700.000.000	35.700.000.000
Vốn góp của các cổ đông	34.300.000.000	34.300.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	11.927.177.227	11.927.177.227
Cộng	81.927.177.227	81.927.177.227

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	7.000.000	7.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	239.035.654.251	238.300.736.533
- Doanh thu bán hàng hóa	2.737.224.202	570.967.677
- Doanh thu hoạt động xây lắp	231.874.949.163	229.142.320.907
- Doanh thu cung cấp dịch vụ và khác	4.423.480.886	8.587.447.949
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
- Giảm giá hàng bán		
Doanh thu thuần	239.035.654.251	238.300.736.533

Trong đó:

- Doanh thu thuần bán hàng hóa	2.737.224.202	570.967.677
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	231.874.949.163	229.142.320.907
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ và khác	4.423.480.886	8.587.447.949

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	2.737.224.202	1.169.681.314
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	191.534.797.987	179.001.379.644
Giá vốn của dịch vụ và khác đã cung cấp	150.245.781	7.380.211.991
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	194.422.270.970	187.551.272.949

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	19.058.611	651.085.988
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	269.578.616	
Lãi cho vay	19.992.302.193	
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn khác		1.385.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	634.500.000	256.000.000
Cộng	20.915.439.420	4.670.252.156

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	39.801.190.205	13.649.324.782
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn		
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		(276.000.000)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	2.328.000.000	
Phí kinh doanh chứng khoán		6.464.000
Lỗ bán ngoại tệ		120.888
Cộng	42.129.190.205	13.379.909.670

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.439.038.020	12.030.933.663
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	782.791.249	931.698.196
Chi phí đồ dùng văn phòng	259.853.632	706.497.967
Chi phí khấu hao TSCĐ	994.938.577	773.437.013
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	300.621.210
Chi phí dự phòng	34.473.552	130.243.394
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.710.185.645	3.050.088.609
Chi phí bằng tiền khác	2.937.205.090	4.520.277.273
Cộng	16.850.685.211	22.443.797.325

6. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu bồi thường phí đào tạo		14.077.503
Các khoản khác	109.457.617	37.896.022
Cộng	109.457.617	51.973.525

7. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chậm nộp BHXH, BHYT	3.714.635	71.130.241
Thuế bị phạt, bị truy thu	832.351.560	181.437.242
Chi phí khác		5.328.601
Cộng	836.066.195	257.896.084

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Chi phí lãi vay vốn hoá

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay riêng biệt	618.304.616	680.112.770
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay chung		
Tổng chi phí lãi vay vốn hoá	618.304.616	680.112.770
Tỷ lệ vốn hóa	2,32%	5,94%

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

3. Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

4. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán được lấy theo số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2010, thông tin so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp được lấy theo số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C).

Lập, ngày 15 tháng 10 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Mai Thị Na

Phạm Đức Trọng

Trần Thanh Sơn